

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 543 /BVĐKĐN-VTTBYT
Vv yêu cầu báo giá máy bơm tiêm điện

Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hóa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện đa khoa Đồng Nai với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Mai Trung Tín

Chức vụ: Nhân viên

Số điện thoại: (02518) 825 609

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện

Địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế (P331), Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

(Lưu ý: Có giấy giới thiệu khi gửi báo giá trực tiếp).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ 30 phút ngày 19/05/2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 6 tháng.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị theo phụ lục (đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản; đồng tiền thanh toán: VNĐ.

- Thời hạn thanh toán: Theo thỏa thuận trong hợp đồng.

4. Hồ sơ chào giá của nhà thầu gồm các tài liệu sau:



- + Bảng chào giá có ký tên, đóng dấu (theo biểu mẫu đính kèm);
- + Báo giá thể hiện cụ thể mức % thuế VAT và số tiền thuế tương ứng;
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa, catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác;
- + Hợp đồng tương tự gần nhất hoặc kết quả trúng thầu gần nhất tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Chất lượng hàng hóa: mới 100%, chưa qua sử dụng, năm sản xuất 2024 trở về sau, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
- + Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng và không ít hơn thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT.



Ngô Đức Tuấn





DANH MỤC

(Đính kèm Công văn số: 543 / BVĐKĐN-VTTBYT ngày 09 tháng 05 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY BƠM TIÊM ĐIỆN

Nội dung
I. Yêu cầu chung Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau Đạt chứng nhận chất lượng: ISO 13485, EC hoặc FDA hoặc tương đương Điều kiện môi trường hoạt động: Phù hợp với khí hậu của Việt Nam Nguồn điện cung cấp: 100-240V, 50-60Hz Xuất xứ: G7
II. Yêu cầu cấu hình Máy chính Phần mềm Dây nguồn Kẹp treo máy PIN sạc Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh
III. Yêu cầu kỹ thuật Có khả năng xếp chồng các thiết bị lên nhau mà không cần giá treo, tối đa ≥ 3 thiết bị. PIN sạc: Loại Lithium-Ion hoặc tương đương. Có sẵn ngôn ngữ sử dụng tiếng Việt. Màn hình màu $\geq 2,0$ inch. Nhập tốc độ truyền bằng phím bấm. Tốc độ truyền liên tục: - Khi sử dụng bơm tiêm 2/3 ml: ≤ 0.01 đến ≥ 25ml/h - Khi sử dụng bơm tiêm 5/6 ml; 10/12 ml: ≤ 0.01 đến ≥ 50ml/h - Khi sử dụng bơm tiêm 20 ml; 30/35ml: ≤ 0.01 đến ≥ 100ml/h - Khi sử dụng bơm tiêm 50/60 ml: ≤ 0.01 đến ≥ 1800ml/h Tốc độ truyền nhanh (bolus): - Khi sử dụng bơm tiêm 2/3 ml: ≤ 1 đến ≥ 150ml/h - Khi sử dụng bơm tiêm 5/6 ml: ≤ 1 đến ≥ 300ml/h - Khi sử dụng bơm tiêm 10/12 ml: ≤ 1 đến ≥ 500ml/h - Khi sử dụng bơm tiêm 20 ml: ≤ 1 đến ≥ 800ml/h

- Khi sử dụng bơm tiêm 30/35 ml: ≤ 1 đến ≥ 1200 ml/h

- Khi sử dụng bơm tiêm 50/60 ml: ≤ 1 đến ≥ 1.800 ml/h

Bước tăng tốc độ truyền tối thiểu: ≤ 0.01 ml/h với phạm vi tốc độ truyền từ ≤ 1 đến ≥ 1.800 ml/h.

Độ chính xác truyền: $\leq \pm 2\%$ theo tiêu chuẩn IEC/EN 60601-2-24

Thể tích truyền: Tối đa ≥ 9000 ml, bước tăng ≤ 0.01 ml/h.

Thời gian truyền: Tối đa ≥ 99 giờ 00 phút.

- Bơm tiêm sử dụng: 2/3, 5, 10, 20, 30, 50/60 (ml).

- Tự động nhận biết ống tiêm lắp vào máy dựa theo kích cỡ.

Tự động tính tốc độ truyền: Theo thể tích, thời gian và liều lượng thuốc

Điều chỉnh tốc độ truyền trong khi máy đang truyền.

Có chức năng dừng tạm thời.

Màn hình thể hiện biểu tượng thường xuyên khi đang truyền và có cảnh báo áp lực tắc nghẽn đang cài đặt.

Ngưỡng áp lực sẽ tự động tăng trong quá trình tiêm truyền nhanh.

Tự động giảm thể tích truyền nhanh khi báo động tắc nghẽn.

Báo động và ngừng bơm do lỗi hệ thống.

Có giới hạn thời gian tối đa khi truyền nhanh bằng tay.

Tiền báo động: Gần hết thể tích mục tiêu; ống tiêm sắp hết; thời gian truyền sắp hết; pin sắp hết, chế độ KVO sắp được kích hoạt. Nội dung tiền báo động bằng chữ trên nền màu vàng được hiển thị trên màn hình.

Báo động hoạt động: Đạt thể tích mục tiêu; ống tiêm hết thuốc; thời gian truyền chọn trước đã hết; hết pin; tắc nghẽn; KVO đã kết thúc; kẹp ống tiêm mở; lắp ống tiêm sai; cần đẩy ống tiêm bị khoá, đã đến vị trí dừng cơ học, cố định ống tiêm thất bại. Nội dung báo động hoạt động bằng chữ màu đỏ được hiển thị trên màn hình.

Cảnh báo nhắc nhở:

- Đã lắp ống tiêm nhưng không cho thiết bị hoạt động trong vòng ≥ 2 phút

- Không kích bắt đầu truyền cho bơm sau khi đã lắp ống tiêm và cài đặt các thông số trong vòng 20 giây.

- Sau khi hết thời gian chờ (standby)

Kháng ẩm: chuẩn $\geq IP 34$

Chống sốc chống nhiễu: loại CF II

Chức năng tính liều lượng thuốc:

- Đơn vị liều: mg, μ g, ng, IU, mEq, mmol.

- Các thông số cài đặt bao gồm: Thông số bệnh nhân (Cân nặng hoặc cân nặng và chiều cao) và liều lượng thuốc cần điều trị theo mg/phút hoặc mmol/24 giờ

Phần mềm thư viện thuốc:

- Tối đa ≥ 3000 tên thuốc với thông số trị liệu
- Mã hoá màu thuốc: Tối đa ≥ 8 mã màu thuốc.

Có chức năng khóa bàn phím.

Có chức năng đuổi khí trong đường truyền tự động.

Tốc độ truyền giữ vein (KVO):

- Khi tốc độ truyền ≥ 10 ml/giờ: tốc độ truyền giữ vein = 3ml/giờ;
- Khi tốc độ truyền < 10 ml/giờ: tốc độ truyền giữ vein = 1ml/giờ;
- Khi Tốc độ truyền < 1 ml/h: Tốc độ truyền giữ vein = tốc độ truyền.

Có cơ chế hỗ trợ chống liều truyền nhanh không mong muốn khi đóng cần đẩy vào ống tiêm trong quá trình thay ống tiêm.

Bộ nhớ ≥ 1000 .

IV. Yêu cầu khác

Thời gian bảo hành: ≥ 24 tháng.

Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 10 năm kể từ ngày bàn giao nghiệm thu.

Ghi chú:

Tính năng kỹ thuật nêu trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà cung ứng chào giá; bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong tính năng kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Do đó, Nhà cung ứng có thể chào giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:.....
MÃ SỐ THUẾ:.....
SỐ ĐIỆN THOẠI:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai
Địa chỉ: Số 02 Đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Theo Công văn mời chào giá số: /BVĐKĐN-VTTBYT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa (Model)	Hãng/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước sở hữu	Xuất xứ	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Năm sản xuất	Mã HS của hàng hóa	Đvt	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thuế VAT (...%)	Thành tiền sau thuế VAT (VNĐ)
						Đính kèm phụ lục chi tiết						(Ghi rõ % VAT và số tiền tương đương)	

Ngày... tháng... năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)